TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 17/2020/QĐST-DS	*C, ngày 29 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 393/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan T, sinh năm 1970; trú tại: Số 8/77, khu phố 9, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn V, sinh năm: 1982; trú tại: Số 240, đường D, khu phố 7, phường Phú Mỹ, thành phố M, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số 463A, quốc lộ 13, tổ 13, khu phố 2, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2020).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm: 1975; trú tại: Số 312, tổ 10, khu phố 3A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi M, sinh năm: 1976; trú tại: Số 312, tổ 10, khu phố 3A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3.2. Bà Nguyễn Q, sinh năm: 1958; trú tại: Khu phố 3A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3.3. Ông Nguyễn E, sinh năm: 1958; trú tại: Khu phố 3A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3.4. Bà Nguyễn P, sinh năm: 1987; trú tại: Khu phố 3A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Những người sử dụng đất sau đây:

- Ông Phan T – người sử dụng thửa đất số 1717, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.099,7m^2, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR680331, số vào sổ cấp GCN: CS51365 ngày 10/7/2019;

- Các ông, bà Nguyễn Q, Nguyễn E, Nguyễn P là thành viên của hộ gia đình – người sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ số 40, diện tích 652,9m^2, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR602021, số vào sổ cấp GCN: CS38989 ngày 16/11/2017;

- Bà Nguyễn Q – người sử dụng thửa đất số 135, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.062m^2, đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG817180, số vào sổ cấp GCN: CH07834 ngày 15/8/2011;

Có quyền sử dụng diện tích đất 41m^2 (bốn mươi mốt mét vuông) có vị trí, kích thước như sơ đồ kèm theo, thuộc thửa đất số 1716, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.874,3m^2, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD483401, số vào sổ cấp GCN: CS29131 ngày 20/6/2016 cho ông Nguyễn S đứng tên;

Làm lối đi ra đường công cộng.

2. Người sử dụng các thửa đất số 1716, 1717, 132, 135 tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại khu phố 3A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương nói trên thực hiện quyền về lối đi qua đối với bất động sản liền kề theo quy định tại các Điều 245, Điều 247, Điều 248, Điều 249, Điều 254 và Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ông Phan T có nghĩa vụ đền bù cho ông Nguyễn S số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Bà Nguyễn Q, ông Nguyễn E và bà Nguyễn P không phải đền bù cho ông Nguyễn S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của ông Nguyễn S cho đến khi thi hành án xong, ông Phan T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Ông Phan T phải chịu 1.325.000 đồng (một triệu, ba trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền ông Tâm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0042450 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Ông T còn phải nộp thêm số tiền 1.025.000 đồng (một triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn S phải chịu 1.325.000 đồng (một triệu, ba trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Phan T tự nguyện chịu toàn bộ các khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 5.615.334 đồng (năm triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng), đã thanh toán xong.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân